

5.7- HENRY KISSINGER NÓI VỀ TRUNG QUỐC

Max Frankel

The New York Times, 13-5-2011

*Bài này giới thiệu quyển sách **On China** của Kissinger, được phát hành vào mùa hè 2011 tại Mỹ, kể lại kinh nghiệm đầu tay của ông về Trung Quốc.*

Henry Kissinger không phải chỉ là nhà ngoại giao đầu tiên chính thức của nước Mỹ được cử qua Trung Quốc. Ông ta đã nhằn nại trong công việc môi giới của mình trong suốt 40 năm, với hơn 50 chuyến du hành qua Trung Quốc (1), trong suốt nhiệm kỳ của 7 vị lãnh đạo của cả hai phía. Nói theo cách ngoại giao, ông ta làm chủ được thương hiệu của mình ; và với cuốn sách mới xuất bản *Bàn về Trung Quốc (On China)* (2) vào lúc tuổi đã 88, ông ngồi nghĩ lại công trình của mình.

Cho tới mức độ ngày nay có sự hiểu biết giữa Washington và Bắc Kinh, phần lớn là nhờ tài diễn dịch của Kissinger cho cả hai bên, giúp họ phân biệt được ý nghĩa của từng câu nói bông lơn, tới những màn thịnh nộ gay gắt. Mỗi lúc, ông đều cố gắng tìm ra một “ quan niệm chiến lược ” có thể định hình được để trấn át cả một quá trình lịch sử đùng độ, trách móc và sợ hãi lẫn nhau. Với tư cách cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Nixon, rồi Ngoại trưởng cho Nixon, và Gerald Ford, và từ 1977, ông trở thành nhà đối thoại tư nhân toàn quyền, Kissinger đã luôn luôn hiến thân mình cho công việc vượt qua cái mà ông nghĩ là sự bất mãn chính đáng của Trung Quốc về việc nước Mỹ can thiệp vào công việc nội bộ của họ, và sự khinh bạc của người Mỹ đối với chính sách đàn áp dã man của Trung Quốc đối với những người bất đồng ý kiến về chính trị, tôn giáo cũng như chủng tộc.

Sự ngạc nhiên trong câu chuyện dài dòng ông kể về mối quan hệ Mỹ-Trung là cuộc công du Nixon-Kissinger qua Trung Quốc vào năm 1971-72 đầy chiêm trông cuối cùng lại là phần công việc dễ dàng nhất. Ông viết : “ *Trung Quốc và Hoa Kỳ sẽ tìm thấy cách thức hợp tác với nhau là điều không tránh khỏi, vì tình hình cần thiết như vậy. Nó có thể xảy ra sớm hay muộn, dù lãnh đạo đất nước là ai chăng nữa* ”. Cả hai quốc gia đã kiệt lực về chiến tranh (Việt Nam, đùng độ ở biên giới Liên Xô), và sự chống đối ở trong nước (biểu tình phản chiến đối với Nixon, cách mạng văn hóa đối với Mao). Cả hai quốc gia đều quyết tâm chống lại sự bành trướng của Liên Xô và như thế, họ đã nhanh chóng lấy đó làm mẫu số chung. Sự đe dọa của Liên Xô làm cho lãnh đạo hai nước đều quên đi sự đối đầu ở Việt Nam và Đài Loan, và gạt bỏ những lời chống báng lẫn nhau. Họ quyết định là “ *kẻ thù của kẻ thù là bạn của ta* ” và trong hơn một thập kỷ, tình hình đã xảy ra như vậy.

Nhưng đó là một thời kỳ khác. Trung Quốc cuối cùng cũng đã thoát khỏi giáo điều điên khùng của Mao Trạch Đông về một cuộc cách mạng liên tục, và thoát khỏi bài thuốc vạn năng giả hiệu của chính sách kế hoạch hóa tập trung. Nó đã trở thành

một quốc gia đầu tàu công nghiệp. Liên Xô và đế quốc của họ sụp đổ. Và nước Mỹ, có cảm giác trở thành chúa tể, bắt đầu tuyên truyền về nền dân chủ một cách say sưa như những nhà truyền giáo, trong khi đó ngày càng sa vào nghiện ngập dầu hỏa, hàng hóa và tín dụng của nước ngoài. Sự thay đổi tận gốc rễ của cán cân quyền lực đã làm cho Trung Quốc và Mỹ trở thành những gã khổng lồ về kinh tế, phụ thuộc lẫn nhau. Nhưng sự hợp tác này lại thiếu hẳn sự thiết kế một khung chiến lược.

Vì muốn chứng minh nhu cầu một thiết kế như vậy, Kissinger đã ngó lại những trầm bổng của quan hệ Trung- Mỹ. Ông đã trở lại với cổ sử của Trung Quốc để định nghĩa bản sắc dân tộc của người Trung Quốc (ông đã thấy người Trung Quốc thích chơi cờ vây) (3), một trò chơi giống như cờ vua của người Tây phương, tìm cách đột nhập vào cung vua để chiến thắng). Kissinger đã trích dẫn rất nhiều những nhà uyên bác hiện đại, và trên những ghi chép của chuyến du hành của ông qua Bắc Kinh để ăn mừng những người kế nhiệm Mao. Ông nói là họ hài lòng với biên giới do lịch sử để lại, họ muốn chờ một thống nhất hòa bình với Đài Loan, và họ quyết tâm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, và xóa bỏ cơ bản sự nghèo đói vẫn còn tràn lan ở Trung Quốc. Họ ít tin tưởng vào khả năng của Mỹ duy trì một chính sách ngoại giao ổn định, họ ghi chú rằng “*vấn đề tâm lý muôn đời của những thời kỳ chuyển tiếp dân chủ*” là muốn mời nước khác “*bảo lãnh cho sự may rủi*” của mình.

Những người nghiên cứu về Kissinger đều rõ, ông ta từ lâu đã coi dân chủ là một gánh nặng cho các chính khách. Kể cả sự kêu gào dân chủ ở Mỹ và sự khuấy động dân chủ do chúng ta gây ra ở những quốc gia khác.

Ông nhớ lại những thời điểm ông chán nản tại văn phòng vào những năm 1970, khi ông nghi là các cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam có lẽ sẽ làm cho Mao Trạch Đông lầm lẫn tưởng là thời cơ đã đến cho một “*cuộc cách mạng thế giới thực sự*”. Ông lý luận là sự hủy hoại sự nghiệp của Nixon trong vụ khủng hoảng Watergate, và quyết định của Quốc hội Mỹ bãi bỏ sự ủng hộ chiến tranh Việt Nam, sự cắt giảm quyền lực chiến tranh của Tổng thống, và sự “*chảy máu*” bí mật trí tuệ, tất cả những cái này hợp lại có thể sẽ làm suy yếu quan hệ cận liên minh với Trung Quốc, làm cho nước Mỹ yếu thế trước Liên Xô. Ông rất hài lòng khi thấy Tổng thống Jimmy Carter đã không để cho sự lo lắng về nhân quyền của ông làm thay đổi quan hệ với Trung Quốc, và cá tính vui vẻ của Tổng thống Reagan đã vượt qua được “*những mâu thuẫn hầu như không hiểu nổi*” trong công tác của ông lúc đó đang bàn thảo với Bắc Kinh, ngay cả lúc Reagan đang nêu cao ý tưởng về một Đài Loan độc lập.

Sự thử thách gay go nhất là cuộc đàn áp những người biểu tình đòi dân chủ ở Quảng trường Thiên An Môn vào năm 1989. Sự bạo động này cũng thử sức sự khoan dung của Kissinger trong việc khẳng định những giá trị của Mỹ trong quan hệ quốc tế. Nhìn lại lịch sử, ông cho rằng mọi thứ đều tùy thuộc vào hoàn cảnh. “*Có những lúc sự vi phạm nhân quyền quá rõ rệt, làm cho người ta không thể chấp nhận tiếp tục quan hệ. Ví dụ, Khmer đỏ ở Kampuchia, và cuộc diệt chủng ở Rwanda. Nhưng vì áp lực quần chúng có thể đưa tới việc thay đổi chế độ hay bó buộc các nhà lãnh đạo từ chức, chính sách phản kháng rất khó áp dụng cho các quốc gia đang tiếp tục có quan hệ quan trọng cho an ninh của nước Mỹ. Nhất là trong trường hợp của Trung Quốc, họ đã đầy kỷ niệm trong đầu về sự can thiệp gây sỉ nhục của các xã hội phương Tây*”.

Do đó Kissinger kính trọng cách thức phản ứng của Tổng thống George H.W. Bush : “*Với tài năng và lịch lãm*”, đã “*đi trên dây*” giữa việc trừng phạt Trung

Quốc sau vụ Thiên An Môn, đồng thời gửi thư riêng xin lỗi và cho đặc sứ qua Trung Quốc. Có lúc, Tổng thống Clinton đã thử gây áp lực, nhưng không ai tỏ lòng biết ơn ông ta, sau khi ông đã mủi lòng ngưng lại. Người Trung Quốc “ không coi sự gỡ bỏ mối đe dọa đơn phương là một nhượng bộ. Và họ rất dễ động lòng trước những dấu hiệu về sự can thiệp vào công việc nội bộ của họ. Và Tổng thống George W. Bush, mặc dù “ chương trình tự do ” (4) của ông, đã được Kissinger khen ngợi là đã vượt qua “ sự lúng túng mang tính lịch sử giữa tinh thần thừa sai của Mỹ và các biện pháp thực tế ” bằng cách sử dụng tới “ sự quân bình nhạy cảm giữa những ưu tiên chiến lược ” ”.

Nếu người ta coi sự yêu thích của người Mỹ cho một chính phủ dân chủ, là một điều kiện chính cho sự tiến triển của các vấn đề khác đối với Trung Quốc, Kissinger kết luận là “ sẽ bế tắc chắc chắn ”. Những người đấu tranh để phát huy giá trị Mỹ là những người đáng được tôn trọng, “ nhưng chính sách đối ngoại phải xác định rõ các phương tiện sử dụng và mục tiêu công việc. Và nếu các phương tiện được sử dụng vượt qua khỏi sự khoan dung của khuôn khổ quốc tế hay của mối quan hệ được coi là quan trọng cho an ninh quốc gia, người ta phải lựa chọn ”. Sự lựa chọn này không được giả dối. Ông nhấn mạnh, ngay cả khi người ta muốn bảo vệ sườn của mình bằng sự giả dối của chính mình : hậu quả tốt nhất cho cuộc tranh luận ở Mỹ sẽ là phối hợp cả hai giải pháp : đối với người duy tâm, phải công nhận là các nguyên tắc này sẽ được áp dụng với thời gian và như thế, phải đôi khi được điều chỉnh theo hoàn cảnh ; còn đối với những người thực dụng, chấp nhận những giá trị này có “ thực thể ” riêng của nó, và phải được xây dựng thành một chính sách hoạt động được.

Cuối cùng Kissinger đã bỏ phiếu cho nguyên tắc an ninh quốc gia là trên hết (*uber alles*). Rải rác trong quyền sách của ông ta là giá trị của nước Mỹ và sự cam kết với nhân phẩm. Điều này đôi khi thúc đẩy chính sách của chúng ta ra ngoài sự tính toán cho quyền lợi quốc gia. Điều đó đã xảy ra. Thật ra sau khi sách *On China* được đưa cho nhà in, khi Tổng thống Obama phiêu lưu vào Lybia, có lẽ Kissinger đã ngạc nhiên khi cuộc can thiệp nhân đạo này, và nỗ lực thay đổi chế độ đã thất bại trong việc gây ra phiếu phủ quyết (*veto*) của Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc. Ông lý luận là “ nhưng ngày nay ở châu Á hơn là châu Âu, người ta coi quyền tự chủ là trên hết ” và mọi cố gắng “ từ bên ngoài ” để làm thay đổi cơ cấu của Trung Quốc “ có lẽ sẽ tạo ra những hậu quả bất lợi rất lớn ”. Thêm vào đó, như ông ta thường nhấn mạnh, khi sử dụng *realpolitik* (chính trị thực dụng) ở Washington, vấn đề bảo vệ hòa bình cũng là một sự nghiệp đạo đức.

Người ta có thể chọn lọc chủ đề chính của những kinh nghiệm của Kissinger trong những câu chuyện dài dòng và quen thuộc mà ông đã kể ra trong sách. Chỉ vào những trang cuối cùng của *On China* ông mới bàn về vấn đề cốt yếu về tương lai của quan hệ Trung – Mỹ : bây giờ họ không còn chung một kẻ thù nữa để nối kết họ với nhau, điều gì sẽ giúp duy trì hòa bình và phát huy sự hợp tác và tin tưởng giữa hai cường quốc lớn của thế giới ?

Kissinger cắt nghĩa vấn đề này bằng cách nhìn lại quá khứ. Đó là một bản ghi nhớ của một viên chức cao cấp Bộ ngoại giao Anh, Bộ trưởng Eyre Crowe, vào năm 1907. Crowe cho rằng trong quyền lực của họ, người Đức đã “ xây dựng một hải quân hùng mạnh trong khả năng của nước Đức ”, và điều này sẽ dẫn tới sự đụng đầu “ khách quan ” với đế quốc Anh dù là các nhà ngoại giao Đức nói gì chăng nữa. Ngày nay, có một “ trường phái suy nghĩ Crowe ” ở Hoa Kỳ. Kissinger nhận xét, trường

phái này, coi sự nổi lên của Trung Quốc là “ *không thích ứng với vị trí của Mỹ tại Thái Bình Dương* ”, và như vậy, người Mỹ phải có một chính sách ngoại giao thù nghịch đối phó trước. Ông ta nhìn thấy sự lo ngại ở cả hai quốc gia, và sợ rằng sự lo ngại này được phóng đại bởi những người Mỹ đòi hỏi dân chủ là một điều tiên quyết cho một quan hệ đáng tin cậy. Ông cảnh báo là việc này sẽ dẫn tới một cuộc chiến tranh lạnh, sẽ làm mất tiền bộ giữa hai quốc gia, và đưa họ tới việc “ *tự phân tích và đi vào những lời tiên đoán tự biện hộ* ”, trong khi thực tế là sự cạnh tranh giữa hai quốc gia có vẻ kinh tế nhiều hơn là quân sự.

Do thói quen ham mê những cơ cấu ngoại giao, Kissinger nhấn mạnh là quyền lợi chung của hai quốc gia có thể dàn xếp được trong việc “ *cùng chuyển biến* ” để tiến tới “ *một khung hợp tác đầy đủ hơn* ”. Ông tiên đoán là các nhà lãnh đạo khôn ngoan sẽ tạo ra một “ *Cộng đồng Thái Bình Dương* ” tương tự như Cộng đồng Đại Tây Dương mà người Mỹ đã thực hiện được ở châu Âu (5). Mọi quốc gia châu Á sẽ tham gia vào một hệ thống được công nhận như là một nỗ lực chung hơn là một sự đua tranh giữa hai khối theo Mỹ và theo Trung Quốc. Và các nhà lãnh đạo ở cả hai bên bờ Thái Bình Dương sẽ bị bó buộc phải “ *thành lập một truyền thống tham khảo lẫn nhau và tôn trọng lẫn nhau* ”, làm cho trật tự thế giới chia sẻ cho mọi quốc gia, “ *là một biểu lộ của những kỳ vọng song hành với nhau* ”.

Thật ra, đó là nội dung của chuyến du hành đầu tiên của Kissinger tới Bắc Kinh. Và khi ông ta không nói rõ ra như vậy, ông đã đầu tư niềm hy vọng của ông ta vào một dàn nhạc các quốc gia, đại diện, dĩ nhiên, bởi rất nhiều Kissinger khác.

Max Frankel, nguyên biên tập viên
của báo *New York Times*
đã tháp tùng và viết về chuyến du hành
Nixon-Kissinger qua Trung Quốc năm 1972

Chú thích :

- (1) **Henry Kissinger** (sinh 1923)- Một nhà chiến lược và ngoại giao của Mỹ. Giáo sư Đại học Harvard, Cố vấn an ninh của Tổng thống Richard Nixon từ 1968, và Bộ trưởng Ngoại giao của Nixon và Gerald Ford từ 1972 đến 1977 (Đảng Cộng hòa). Ông là nhà chiến lược theo chủ nghĩa chính trị thực dụng (*realpolitik*). Chủ trương rút quân khỏi chiến tranh Việt Nam, hòa hoãn với Liên Xô (tái lập lại các Hội nghị tài giảm vũ khí hạt nhân với Liên Xô), và khai thông quan hệ ngoại giao hợp tác với Trung Quốc. Năm 1966, qua thăm Nam Việt Nam theo lời mời của Đại sứ Mỹ Cabot Lodge, ông đã nghĩ là chiến thắng ở Nam Việt Nam là vô ích. Lúc đó, Trung Quốc đang có cách mạng văn hóa do Mao Trạch Đông lãnh đạo, mục tiêu chống đối lại chế độ tư bản, cụ thể là chống Mỹ, coi Mỹ là kẻ thù của Trung Quốc. Trong cuộc cách mạng này, Mao đã hạ bệ rất nhiều lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng Kissinger đã đưa ra lý thuyết phải hòa hoãn và hợp tác với Trung Quốc. Nixon đã cử ông qua Trung Quốc lần đầu vào tháng 6-1971 để hội đàm với Chu Ân Lai. Sau khi hai bên thỏa thuận hợp tác, Tổng thống Nixon của Mỹ đã chính thức qua thăm Trung Quốc 7-3-1972, chính thức chính sách hòa hoãn và hợp tác với Trung Quốc. Sau này, chính

sách hợp tác đã được Đặng Tiểu Bình thúc đẩy, và đưa kinh tế Trung Quốc tới vị trí quan trọng hiện nay trên thế giới. Nhiều người đã phê bình là Kissinger tính toán sai khi làm cho Trung Quốc giàu mạnh.

- (2) Sách ***On China (Bàn về Trung Quốc)*** của Henry Kissinger, nhà xuất bản Pinguin, 2011, 568 trang. Trong sách này, Kissinger đã nhắc nhiều tới Tôn Tử, một chiến lược gia thời Xuân Thu của Trung Quốc. Tôn Tử có một lý thuyết rất nổi tiếng : “ Bất chiến tự nhiên thành ”, có nghĩa là chiến thắng một quốc gia mà không cần tới chiến tranh. Đây cũng có khả năng là một sự hãnh diện của riêng ông, trong chính sách đạt được sự hợp tác kinh tế rất có hiệu quả với Trung Quốc mà không cần sử dụng tới chiến tranh.
- (3) **Cờ vây** (Nhật bản gọi là cờ **go**). Hai bên quân đen trắng, không có phân biệt tướng sĩ. Loại cờ này cổ xưa nhất của Trung Quốc.
- (4) “ **Chương trình tự do** ” của Tổng thống Mỹ George W Bush: Hứa hẹn sẽ bảo vệ tự do và dân chủ ở Mỹ, cùng lúc bảo vệ hòa bình ở trên thế giới. Nhưng sau ngày 11-9-2001, đã cho công an có quyền nghe lén điện thoại, bắt người giam giữ không cần lệnh của tòa án, tra tấn nghi can... Cùng lúc đã gây ra hai cuộc chiến tranh tốn kém (Iraq và Afghanistan), làm suy sụp ngân sách và kinh tế Mỹ. Năm 2007, đảng Cộng hòa đưa ra Chương trình Tự do của Mỹ (American Freedom Agenda), cấm toàn bộ những hoạt động của chính phủ trái với luật pháp, ví dụ như bắt giam người trái luật, tra tấn, nghe lén điện thoại... Các ứng cử viên Tổng thống của đảng Cộng hòa đều bị yêu cầu ký vào bản tuyên bố này. Ron Paul đã ký, nhưng Mitt Romney không chịu ký.
- (5) **Cộng đồng Đại Tây Dương** : Sau Thế chiến thứ II, nước Mỹ đã viện trợ cho Tây Đức và các nước khác ở Tây Âu để trùng tu kinh tế. Sau đó, đã thiết lập được quan hệ chặt chẽ với các quốc gia này, lập thành Liên Minh Bắc Đại Tây Dương (NATO), và Cộng đồng kinh tế hai bên bờ Đại Tây Dương. Nước Đức bãi bỏ chính sách hiếu chiến, và sống hòa bình với các nước khác. **Cộng đồng Thái Bình Dương** là một đề xuất của Kissinger, muốn tạo lập quan hệ chặt chẽ giữa Mỹ và Trung Quốc, để giúp Trung Quốc phát triển kinh tế, và chung sức bảo vệ hòa bình ở khu vực này. Nhưng đề án này bị nhiều người bàn cãi, sợ là một khi Trung Quốc hùng mạnh, sẽ tìm cách lấn qua các quốc gia lân bang, và Mỹ không đủ khả năng ngăn chặn. Vào thời điểm Kissinger đề xuất ý kiến này (1970), nước Mỹ có rất ít nợ công, và Trung Quốc còn nghèo. Hiện nay tình thế đã đảo ngược : Mỹ mang nặng công nợ, ngân sách thâm hụt trầm trọng ; trong lúc Trung Quốc đã trở thành một đại cường kinh tế của thế giới.